

PHỤ LỤC 03B: BIỂU PHÍ GIAO DỊCH CHUYỂN TIỀN TRONG NƯỚC VÀ CHUYỂN TIỀN NƯỚC NGOÀI ÁP DỤNG CHO KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG GÓI TKTT

(Áp dụng từ ngày 20/11/2025)

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường/ Khách hàng ngân sách Nhà nước	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3		
A	GIAO DỊCH CHUYỂN TIỀN TRONG NƯỚC							
I	CHUYỂN BẰNG VND							
1	Chuyển tiền đi từ gói TKTT tại PVcomBank							
1.1	Đến TKTT tại PVcomBank							C
-	Cùng tỉnh/ thành phố nơi quản lý tài khoản			Miễn phí				
-	Khác tỉnh/ thành phố nơi quản lý tài khoản			Miễn phí				
1.2	Đến người nhận bằng GTTT tại PVcomBank							C
-	Cùng tỉnh/ thành phố nơi chuyển tiền			Miễn phí				
-	Khác tỉnh/ thành phố nơi chuyển tiền			Miễn phí				
1.3	Đến TKTT hoặc nhận bằng GTTT ngoài hệ thống PVcomBank							B

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường/ Khách hàng ngân sách Nhà nước	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3		
a	Chuyển tiền trước 15h							
-	Số tiền nhỏ hơn 500.000.000 VND	Miễn phí						
-	Số tiền từ 500.000.000 VND trở lên	0,02% Tối đa 300.000 VND	Miễn phí		0,01% Tối đa: 300.000 VND		Số tiền chuyển	
b	Chuyển từ 15h trở đi	0,04% Tối thiểu 10.000 VND Tối đa 1.000.000 VND	Miễn phí	0,01% Tối thiểu: 10.000 VND Tối đa: 500.000 VND	0,02% Tối thiểu: 10.000 VND Tối đa: 1.000.000 VND	0,03% Tối thiểu: 10.000 VND Tối đa: 1.000.000 VND	Số tiền chuyển	
1.4	Chuyển khoản lương theo lô vào tài khoản người hưởng trong hệ thống PVcomBank	Miễn phí						

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường/ Khách hàng ngân sách Nhà nước	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3		
1.5	Chuyển khoản lương theo lô đến tài khoản người hưởng tại ngân hàng khác							B
a	Giao dịch lô trước 15 giờ						Số món/lô	
b	Giao dịch lô từ 15 giờ trở đi						Số món/lô	
2	Chuyển tiền đi từ TKTT tại PVcomBank trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền mặt vào tài khoản	Phí tại Mục A.I.1, phụ lục 03B + phí kiểm đếm tại mục A.2, phụ lục 02						B
3	Chuyển tiền đi bằng tiền mặt tại PVcomBank							
3.1	Đến người nhận bằng GTTT tại PVcomBank							C
-	Cùng tỉnh/ thành phố nơi chuyển tiền							
-	Khác tỉnh/ thành phố nơi chuyển tiền							

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường/ Khách hàng ngân sách Nhà nước	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3		
3.2	Đến TKTT hoặc nhận bằng GTTT ngoài hệ thống PVcomBank							B
a	Chuyển tiền trước 15h							
-	Số tiền nhỏ hơn 500.000.000 VND	10.000 VND	Miễn phí				01 lần chuyển	
-	Số tiền từ 500.000.000 VND trở lên	0,05% Tối đa 500.000 VND	Miễn phí	0,01% Tối đa: 300.000 VND	0,03% Tối đa: 500.000 VND	0,03% Tối đa: 500.000 VND	Số tiền chuyển	
b	Chuyển tiền từ 15h trở đi	0,07% Tối thiểu 20.000 VND Tối đa 1.000.000 VND	Miễn phí	0,03% Tối thiểu: 10.000 VND Tối đa: 500.000 VND	0,05% Tối thiểu: 10.000 VND Tối đa: 1.000.000 VND	0,05% Tối thiểu: 10.000 VND Tối đa: 1.000.000 VND	Số tiền chuyển	
4	Điều chỉnh, tra soát, hủy lệnh chuyển tiền	20.000 VND/món						B

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường/ Khách hàng ngân sách Nhà nước	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3		
5	Chuyển tiền đến (Thu phí người thụ hưởng)							B
5.1	Ghi có vào TKTT tại PVcomBank	Miễn phí						
5.2	Người thụ hưởng nhận bằng Giấy tờ tùy thân tại PVcomBank	Miễn phí						
II	CHUYỂN BẰNG NGOẠI TỆ							
1	Chuyển tiền ngoại tệ cùng hệ thống							B
1.1	Cùng tỉnh/thành phố nơi chuyển tiền	Miễn phí						
1.2	Khác tỉnh/thành phố nơi chuyển tiền	0,01% Tối thiểu 1 USD hoặc tương đương quy đổi bằng 1 USD đối với ngoại tệ khác Tối đa 20 USD hoặc tương đương quy đổi bằng 20 USD đối với ngoại tệ khác					1 lần chuyển	
2	Chuyển tiền ngoại tệ ngoài hệ thống							A

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường/ Khách hàng ngân sách Nhà nước	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3		
2.1	Cùng tỉnh/thành phố nơi chuyển tiền	0,01% Tối thiểu 2 USD hoặc tương đương quy đổi bằng 2 USD đối với ngoại tệ khác Tối đa 20 USD hoặc tương đương quy đổi bằng 20 USD đối với ngoại tệ khác				1 lần chuyển		
2.2	Khác tỉnh/thành phố nơi chuyển tiền	0,05% Tối thiểu 5 USD hoặc tương đương quy đổi bằng 5 USD đối với ngoại tệ khác Tối đa 50 USD hoặc tương đương quy đổi bằng 50 USD đối với ngoại tệ khác				1 lần chuyển		
3	Điều chỉnh, hủy, tra soát lệnh chuyển tiền	10 USD/món				1 lần chuyển	B	
B	GIAO DỊCH CHUYỂN TIỀN NƯỚC NGOÀI: Áp dụng như giao dịch chuyển tiền nước ngoài cho khách hàng sử dụng TKTT (Phụ lục 03A.Mục B)							

Ghi chú:

1. Biểu phí trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT). Khi thu phí dịch vụ PVcomBank sẽ thu thêm 10% VAT theo quy định của pháp luật ngoại trừ trường hợp pháp luật quy định khác.
2. Các mức phí khác với quy định trong biểu phí này hoặc chưa quy định trong biểu phí này sẽ do Tổng Giám đốc quyết định.
3. Biểu phí trên có thể thay đổi theo từng thời kỳ.
4. Phí dịch vụ và các phí khác đã thu theo biểu phí không hoàn lại trong trường hợp Khách hàng yêu cầu hủy bỏ giao dịch hoặc giao dịch không thực hiện được vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của PVcomBank gây ra

5. Đối với các khoản phí tính bằng ngoại tệ, Khách hàng có thể thanh toán bằng ngoại tệ hoặc bằng VND theo tỷ giá bán ngoại tệ chuyển khoản do PVcomBank công bố tại thời điểm thu phí
6. Đối với yêu cầu hủy/hoàn trả Điện chuyển tiền (ĐCT) trong nước:
 - ĐCT chưa chuyển ra ngoài hệ thống: PVcomBank thực hiện hủy/hoàn trả yêu cầu chuyển tiền theo đề nghị của KH, không hoàn phí nếu đã trích phí.
 - ĐCT đã chuyển ra ngoài hệ thống PVcomBank:
 - + PVcomBank tiếp nhận yêu cầu và thực hiện chuyển yêu cầu hoàn trả đến NH hưởng.
 - + PVcomBank chỉ thực hiện hoàn trả KH khi nhận được tiền hoàn trả từ NH hưởng.
7. Khi thực hiện các nghiệp vụ quy định tại biểu phí này, các chi phí phát sinh như bưu phí, điện phí và các chi phí khác do Ngân hàng khác thu sẽ được thu theo thực tế phát sinh.
8. Các khoản phí phải trả cho bên thứ 3 (nếu có) tham gia vào dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng mà chưa được quy định tại biểu phí sẽ thu theo thực tế phát sinh. Các trường hợp phát sinh nghiệp vụ gửi điện và/hoặc phí của Đại lý chuyển tiền/Ngân hàng nước ngoài thì phí thu sẽ được cộng thêm điện phí và/hoặc phí phải trả cho đối tác chuyển tiền/Ngân hàng nước ngoài.
9. Phí dịch vụ được thu từng lần ngay sau khi phát sinh hoặc thu gộp một lần sau khi kết thúc toàn bộ dịch vụ tùy theo tính chất của từng loại dịch vụ đó.
10. Những loại phí dịch vụ khác không được liệt kê trong biểu phí này sẽ được PVcomBank thông báo cho Khách hàng khi có nghiệp vụ phát sinh.
11. Nguyên tắc tính phí giao dịch chuyển tiền trong nước:
 - Số dư được phép sử dụng bằng (=) số dư Có trên tài khoản trừ (-) các khoản phong tỏa/tạm khóa trừ (-) số dư tối thiểu chủ tài khoản phải duy trì theo quy định của PVcomBank cộng (+) hạn mức thấu chi chưa sử dụng (nếu có).
 - Thời gian chuyển tiền được xác định bằng thời điểm nhập lệnh bút toán chuyển tiền thành công trên hệ thống (chứng từ hạch toán).
12. Khi thực hiện dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng, trường hợp phí của PVcomBank và/hoặc phí của Ngân hàng đại lý thực hiện dịch vụ do khách hàng nước ngoài hoặc đối tượng khác chịu nhưng PVcomBank và/hoặc các Ngân hàng đại lý không thu hồi được, PVcomBank sẽ thu từ người yêu cầu thực hiện giao dịch.
13. Trường hợp khách hàng đã được giảm phí: nếu mức phí sau khi giảm nhỏ hơn phí tối thiểu, PVcomBank sẽ thu phí tối thiểu.